

Số:

Hải Dương, ngày 05 tháng 02 năm 2025

THÔNG BÁO

Kết quả thực hiện chỉ tiêu công tác 02 tháng năm 2025 (Từ 01/12/2024 – 31/01/2025)

Thực hiện Kế hoạch số 01/KH-VKSND ngày 31/12/2024 của VKSND tỉnh Hải Dương về công tác kiểm sát năm 2025; Hệ thống chỉ tiêu nghiệp vụ cơ bản ban hành kèm theo Quyết định số 139/QĐ-VKSTC ngày 29/4/2020 (viết tắt là Hệ thống chỉ tiêu 139); trên cơ sở báo cáo của đơn vị VKS hai cấp; VKSND tỉnh Hải Dương tổng hợp, thông báo kết quả thực hiện các chỉ tiêu công tác 02 tháng năm 2025 như sau:

1. Chỉ tiêu theo Hệ thống chỉ tiêu 139 và Kế hoạch 01.

| STT | Chỉ tiêu | Đã thực hiện | Còn phải thực hiện 06 tháng đầu năm 2025 (tính đến 31/3/2025) | Còn phải thực hiện 06 tháng cuối năm 2025 (tính đến 30/9/2025) |
|----------|---|--|--|--|
| I | Thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết nguồn tin | | | |
| 1 | Chỉ tiêu Kiến nghị (Phòng 1, 2 và VKS cấp huyện ban hành ít nhất 01 kiến nghị tổng hợp/năm) | 04 kiến nghị tổng hợp ¹ | 10 kiến nghị (Phòng 1-01; Phòng 2- 01; Bình Giang -01; Cẩm Giàng - 01; Ninh Giang - 01; Kim Thành - 01; Kinh Môn - 01; Thanh Hà - 01; TP Hải Dương – 01 Tứ Kỳ - 01) | |
| 2 | Ban hành yêu cầu hoặc tự ra quyết định xử lý, giải quyết khi có đủ căn cứ theo quy định pháp luật | 07 yêu cầu khởi tố vụ án ² ; 03 yêu cầu bổ sung quyết định khởi tố vụ án ³ ; | 100% tin báo có căn cứ ra quyết định giải quyết phải ban hành yêu cầu hoặc VKS ra quyết định giải quyết. | 11 yêu cầu KTVA Thanh Hà – 01; Bình Giang – 01; Cẩm Giàng – 01; Gia Lộc - 01; |

¹ Gia Lộc 01; Nam Sách 01; Thanh Miện 01; Chí Linh 01.

² Phòng 1- 01; Thanh Hà – 01; Thanh Miện 01; Cẩm Giàng 01; Kinh Môn 01; Chí Linh 02.

³ Phòng 1- 01; Phòng 2 – 01; Gia Lộc 01 yêu cầu khởi tố bổ sung quyết định khởi tố vụ án.

| STT | Chỉ tiêu | Đã thực hiện | Còn phải thực hiện 06 tháng đầu năm 2025 (tính đến 31/3/2025) | Còn phải thực hiện 06 tháng cuối năm 2025 (tính đến 30/9/2025) |
|-----|--|---|--|---|
| | <i>(Phòng 1, 2 và VKS cấp huyện: 100 % tin báo có căn cứ ra quyết định giải quyết phải ban hành yêu cầu hoặc VKS ra quyết định; Phòng 1, Phòng 2 ban hành ít nhất 01 yêu cầu KTVA, KSND cấp huyện ít nhất 02 yêu cầu KTVA)</i> | 09 yêu cầu thụ lý ⁴ , 01 yêu cầu tiếp tục giải quyết ⁵ ; 04 yêu cầu ra quyết định giải quyết tin báo ⁶ , 04 yêu cầu xác minh phục vụ việc phong toả, kê biên tài sản ⁷ , 03 yêu cầu xác minh phục vụ thu hồi tài sản trong vụ án kinh tế ⁸ , | Trong đó yêu cầu KTVA còn phải thực hiện 06 yêu cầu KTVA Bình Giang – 01; Nam Sách – 01; Ninh Giang – 01; Kim Thành – 01; Tứ Kỳ - 01; TP HD - 01 | Nam Sách - 01; Ninh Giang – 01; Kim Thành - 01; Kinh Môn – 01; Thanh Miện – 01 Tứ Kỳ - 01; TP HD- 01 |
| 3 | Chỉ tiêu trực tiếp kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm <i>(Phòng 1, 2 và VKS cấp huyện ít nhất 01 lần/năm đối với CQĐT hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra).</i> | Chưa đơn vị nào thực hiện | 14 cuộc (Phòng 1- 01; Phòng 2 – 01; Thanh Hà – 01; Bình Giang – 01; Cẩm Giàng – 01; Chí Linh – 01; Gia Lộc - 01; Nam Sách - 01; Ninh Giang – 01; Kim Thành - 01; Kinh Môn – 01; Thanh Miện – 01 Tứ Kỳ - 01; TP HD - 01) | Các đơn vị tiếp tục thực hiện theo Kế hoạch. |

⁴ Phòng 1 – 02; Cẩm Giàng 01; Nam Sách 02; Kim Thành 03; Chí Linh 01.

⁵ Nam Sách 01.

⁶ Chí Linh 03; Kim Thành 01.

⁷ Phòng 1 - 04 .

⁸ Phòng 1- 03.

| STT | Chỉ tiêu | Đã thực hiện | Còn phải thực hiện 06 tháng đầu năm 2025 (tính đến 31/3/2025) | Còn phải thực hiện 06 tháng cuối năm 2025 (tính đến 30/9/2025) |
|-------------|--|--|---|--|
| 4 | Chỉ tiêu phối hợp CQĐT cùng cấp kiểm tra việc tiếp nhận và chuyển nguồn tin về tội phạm của Công an cấp xã (<i>Viện KSND cấp huyện phối hợp với CQĐT cùng cấp thực hiện ít nhất 01 cuộc/tháng</i>) | 03 cuộc, ban hành 03 kết luận ⁹ , | 69 cuộc Thanh Hà – 06; Bình Giang – 06; Cầm Giàng – 06; Chí Linh – 06; Gia Lộc - 06; Nam Sách - 05; Ninh Giang – 06; Kim Thành - 04; Kinh Môn – 06; Thanh Miện – 06 Tứ Kỳ - 06; TPHD- 06 | 72 cuộc Thanh Hà – 06; Bình Giang – 06; Cầm Giàng – 06; Chí Linh – 06; Gia Lộc - 06; Nam Sách - 06; Ninh Giang – 06; Kim Thành - 06; Kinh Môn – 06; Thanh Miện – 06 Tứ Kỳ - 06; TPHD - 06 |
| 5 | Chỉ tiêu phối hợp với CQĐT Công an tỉnh tiến hành kiểm tra CQĐT Công an cấp huyện về việc tiếp nhận, thụ lý và giải quyết nguồn tin về tội phạm (<i>Phòng 1 và Phòng 2 mỗi đơn vị kiểm tra 01 CQĐT CA cấp huyện</i>) | Chưa đơn vị nào thực hiện | 02 cuộc (Phòng 1- 01; Phòng 2- 01) | Các đơn vị tiếp tục thực hiện theo Kế hoạch |
| II | Thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra vụ án hình sự; kiểm sát hoạt động tư pháp trong giai đoạn truy tố | | | |
| II.A | Thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra vụ án hình sự | | | |

⁹ Nam Sách 01; Kim Thành 02.

| STT | Chỉ tiêu | Đã thực hiện | Còn phải thực hiện 06 tháng đầu năm 2025 (tính đến 31/3/2025) | Còn phải thực hiện 06 tháng cuối năm 2025 (tính đến 30/9/2025) |
|-----|---|--|---|--|
| 1 | Chỉ tiêu xác định án trọng điểm (<i>Phòng 1, 2 mỗi đơn vị 02 vụ, VKS cấp huyện từ 5% trở lên</i>) | 73 vụ/106 bị can ¹⁰ , đạt 26,64 % ¹¹ | Ninh Giang chưa có án trọng điểm | Các đơn vị tiếp tục thực hiện theo Kế hoạch |
| 2 | Chỉ tiêu án rút gọn (<i>100% số vụ đủ điều kiện</i>) | 08 vụ/ 08 bị can ¹² . | Các đơn vị tiếp tục thực hiện theo Kế hoạch | Các đơn vị tiếp tục thực hiện theo Kế hoạch |
| 3 | Chỉ tiêu Kiến nghị trong hoạt động điều tra (<i>Phòng 1, 2 và VKS cấp huyện ban hành ít nhất 01 kiến nghị tổng hợp/năm</i>) | 06 kiến nghị tổng hợp ¹³ , 02 kiến nghị vụ việc ¹⁴ , | 08 kiến nghị (Phòng 2- 01; Bình Giang 01; Ninh Giang 01; Kinh Môn 01; Thanh Hà 01; Thanh Miện 01; Tứ Kỳ 01; TPHD 01) | Các đơn vị tiếp tục thực hiện theo Kế hoạch |
| 4 | Chỉ tiêu Kiến nghị phòng ngừa (<i>Phòng 1, 2 mỗi đơn vị ít nhất 02 KN, VKS cấp huyện mỗi đơn vị ít nhất 01 KN</i>) | 08 kiến nghị ¹⁵ . | Còn phải thực hiện 12 kiến nghị (Phòng 1- 02; Phòng 2 – 02; Thanh Hà – 01; Bình Giang – 01; | Các đơn vị tiếp tục thực hiện theo Kế hoạch |

¹⁰ Phòng 1 – 02/04; Phòng 2- 01/01; TPHD 14/19; Bình Giang 07/16; Cẩm Giàng 10/17; Gia Lộc 13/21; Nam Sách 02/02; Thanh Hà 05/07; Thanh Miện 03/03; Chí Linh 04/04; Tứ Kỳ 03/03; Kinh Môn 05/05; Kim Thành 04/04.

¹¹ Phòng 1 – 3,57%; Phòng 2- 25%; Bình Giang 36,84%; Cẩm Giàng 43,48%; Chí Linh 19,05%; Gia Lộc 61,9%; Nam Sách 18,2%; Kim Thành 23,53%; Kinh Môn 33,33%; Thanh Hà 41,67%; Thanh Miện 42,86%; Tứ Kỳ 30%, TPHD 33,33%.

¹² Nam Sách 02/02; TPHD 03/03; Thanh Miện 02/02; Bình Giang 01/01.

¹³ Phòng 1 -01; Gia Lộc 01; Nam Sách 01; Kim Thành 01; Chí Linh 01; Cẩm Giàng 01.

¹⁴ Kim Thành 02.

¹⁵ **Thanh Miện 01** kiến nghị phòng ngừa đối với Chủ tịch UBND huyện về áp dụng biện pháp phòng ngừa vi phạm liên quan đến pháo nổ trên địa bàn huyện.; **Chí Linh 03** (01 kiến nghị phòng ngừa đối với Chủ tịch UBND TP về tình trạng gia tăng vụ án vi phạm quy định về an toàn lao động; 02 kiến nghị phòng ngừa đối với Chủ tịch UBND xã Hưng Đạo và xã Bắc An về áp dụng biện pháp phòng ngừa tội tham ô tài sản); **Nam Sách 02** kiến nghị phòng ngừa đối với Chủ tịch UBND huyện về phòng ngừa tội phạm liên quan đến vận chuyển hàng cấm và phòng ngừa người chưa thành niên phạm tội; **Gia Lộc 02** (01 kiến nghị phòng ngừa đối với Chủ tịch UBND xã Đoàn Thượng về phòng ngừa vi phạm trong buôn bán vận chuyển pháo nổ; 01 kiến nghị phòng ngừa giai đoạn truy tố đối với Chủ tịch UBND thị trấn Gia Lộc về phòng ngừa hành vi Chống người thi hành công vụ).

| STT | Chỉ tiêu | Đã thực hiện | Còn phải thực hiện 06 tháng đầu năm 2025 (tính đến 31/3/2025) | Còn phải thực hiện 06 tháng cuối năm 2025 (tính đến 30/9/2025) |
|-------------|--|--|--|---|
| | | | Cẩm Giàng – 01; Ninh Giang – 01; Kim Thành - 01; Kinh Môn – 01; Tứ Kỳ - 01; TP Hải Dương - 01 | |
| 5 | Chỉ tiêu ban hành yêu cầu trong hoạt động điều tra (Phòng 1, 2 ít nhất 01 yêu cầu khởi tố bị can, VKS cấp huyện ít nhất 02 yêu cầu khởi tố bị can) | 21 yêu cầu khởi tố bị can ¹⁶ ; 02 yêu cầu khởi tố bổ sung quyết định khởi tố bị can ¹⁷ ; | 03 yêu cầu Nam Sách - 01 Ninh Giang - 01 Tứ Kỳ - 01 | 08 yêu cầu Chí Linh - 01 Gia Lộc - 01 Nam Sách - 01 Ninh Giang - 01 Kinh Môn - 01 Tứ Kỳ - 01 |
| 6 | Yêu cầu hoặc tự ban hành quyết định giải quyết vụ án tạm đình chỉ khi có đủ căn cứ (Phòng 1, 2 và VKSND cấp huyện đạt 100%) | 03 yêu cầu ra quyết định đình chỉ vụ án tạm đình chỉ hết thời hiệu truy cứu TNHS ¹⁸ . | 100% số vụ án tạm đình chỉ có căn cứ phục hồi hoặc đình chỉ | |
| 8 | Số hoá hồ sơ | 28 vụ ¹⁹ . | | |
| II.B | Kiểm sát giai đoạn truy tố | | | |
| 1 | Chỉ tiêu án rút gọn (100% số vụ đủ điều kiện) | Chưa đơn vị nào thực hiện | 100% số vụ đủ điều kiện | |
| 2 | Số hoá hồ sơ | 17 vụ ²⁰ . | | |
| 3 | Giải quyết án hình sự năm 2024 | Còn phải tiếp tục giải quyết 145 vụ/152 bị can ²¹ . | | |

¹⁶ Phòng 1 – 01; Thanh Hà 05; Kim Thành 04; Bình Giang 03; TPHD 02; Kinh Môn 01; Cẩm Giàng 02; Thanh Miện 02; Chí Linh 01

¹⁷ Phòng 2 – 01; Gia Lộc 01.

¹⁸ Chí Linh 01; Nam Sách 02.

¹⁹ Kinh Môn 28.

²⁰ Kinh Môn 05; Chí Linh 06; Thanh Hà 06.

| STT | Chỉ tiêu | Đã thực hiện | Còn phải thực hiện 06 tháng đầu năm 2025 (tính đến 31/3/2025) | Còn phải thực hiện 06 tháng cuối năm 2025 (tính đến 30/9/2025) |
|------------|--|------------------------------------|---|--|
| | (Phòng 1,2 xong trước 31/5/2025; VKS cấp huyện xong trong tháng 03/2025) | | | |
| III | Thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử án hình sự | | | |
| 1 | Chỉ tiêu tổ chức phiên tòa rút kinh nghiệm (KSV Phòng 1,2,7 và đơn vị cấp huyện: 01 Kiểm sát viên \geq 02 phiên tòa /01năm) | 38 phiên/47 lượt KSV ²² | Còn phải thực hiện 73 lượt KSV (Phòng 1 – 04 Bình Giang – 07 Cẩm Giàng -05 Chí Linh – 05 Gia Lộc – 05 Nam Sách – 06 Ninh Giang – 05 Kim Thành – 06 Kinh Môn – 08 Thanh Hà – 04 Thanh Miện – 05 Tứ Kỳ - 02 TPHD – 11). | Còn phải thực hiện 111 lượt KSV (Phòng 1 – 08 Phòng 2- 01 Phòng 7- 02 Bình Giang – 07 Cẩm Giàng -06 Chí Linh – 09 Gia Lộc – 08 Nam Sách – 08 Ninh Giang – 07 Kim Thành – 09 Kinh Môn – 11 Thanh Hà – 08 Thanh Miện – 06 Tứ Kỳ - 06 TPHD – 12). |
| 1.1 | Lãnh đạo Viện kiểm sát trực tiếp thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử vụ án hình sự (phiên tòa RKN) (01 lãnh đạo VKSND cấp huyện \geq 02 phiên tòa /01 năm.) Lãnh đạo VKSND | 10 vụ/30 bị cáo ²³ . | Còn phải thực hiện 27 phiên (Bình Giang – 03 Cẩm Giàng -02 Kinh Môn - 02 Chí Linh – 01 Gia Lộc – 02 Nam Sách – 02 Ninh Giang – 02 Kim Thành – 01 | Còn phải thực hiện 37 phiên (Bình Giang – 03 Cẩm Giàng -03 Chí Linh – 03 Gia Lộc – 03 Nam Sách – 03 Ninh Giang – 03 Kim Thành – 03 |

²¹ Phòng 1 – 45/51; Phòng 2-04/01; Gia Lộc 08/09; Nam Sách 05/04; Cẩm Giàng 07/04; Ninh Giang 03/03
Thanh Miện 01/03; Thanh Hà 01/07; Kim Thành 14/7; Kinh Môn 22/22; Chí Linh 01/03; Tứ Kỳ 07/06; TPHD
18/24.

²² **Phiên tòa rút RKN 38/47** (Phòng 1- 04/04; Phòng 2 – 06/07; Phòng 7- 04/04; Cẩm Giàng 01/02; Gia Lộc
02/03; TPHD 01/01; Nam Sách 02/03; Kim Thành 02/03; Thanh Hà 04/04; Ninh Giang 02/02; Chí Linh 03/05;
Kinh Môn 03/04; Thanh Miện 01/01; Tứ Kỳ 03/04)

²³ Cẩm Giàng 01/04; Nam Sách 01/04; Kim Thành 02/03; Ninh Giang 01/03; Chí Linh 02/07; Kinh Môn 01/02;
Gia Lộc 01/01; Tứ Kỳ 01/06.

| STT | Chỉ tiêu | Đã thực hiện | Còn phải thực hiện 06 tháng đầu năm 2025 (tính đến 31/3/2025) | Còn phải thực hiện 06 tháng cuối năm 2025 (tính đến 30/9/2025) |
|-----|--|--|---|--|
| | <i>tính ≥ 01 phiên tòa /01 năm.)</i> | | Thanh Hà – 03 Thanh Miện – 03 Tứ Kỳ - 02 TPHD – 04) Lãnh đạo VKSND tỉnh: 03 phiên tòa | Kinh Môn – 03 Thanh Hà – 03 Thanh Miện – 03 Tứ Kỳ - 03 TPHD – 04) |
| | Phiên tòa công bố tài liệu, chứng cứ bằng hình ảnh (Phòng 1, 2,7 mỗi đơn vị ≥ 02 phiên; VKSND cấp huyện ≥ 04 phiên) | 14 vụ/21 bị cáo ²⁴ . | 17 phiên tòa Bình Giang - 02 Cẩm Giàng - 02 Gia Lộc- 02 Nam Sách - 02 Ninh Giang- 02 Kinh Môn - 02 Thanh Hà - 01 Tứ Kỳ - 02 TPHD - 02 | 24 phiên tòa Phòng 2 – 01 Phòng 7 – 01 Bình Giang - 02 Cẩm Giàng - 02 Chí Linh - 02 Gia Lộc - 02 Nam Sách - 02 Ninh Giang - 02 Kinh Môn - 02 Thanh Hà - 02 Thanh Miện -02 Tứ Kỳ - 02 TPHD - 02 |
| 2 | Kháng nghị (Phòng 1, 2 và VKS cấp huyện: Tỷ lệ số bị cáo kháng nghị được VKS cấp trên bảo vệ ≥ 85%; Phòng 7: Tỷ lệ số bị cáo được HĐXX chấp nhận ≥ 70%) | 06 kháng nghị/ 14 bị cáo (cũ 04 kháng nghị/ 12 bị cáo ²⁵ ; mới 02 kháng nghị/ 02 bị cáo ²⁶ . Đã giải quyết 02 kháng nghị/ 06 bị cáo, trong đó: ngang cấp cấp tỉnh 01 kháng nghị/ 03 | Còn chưa xét xử 08 bị cáo ²⁷ | |

²⁴ Phòng 1- 03/03; Phòng 2 – 01/02; Phòng 7 – 01/05; Kim Thành 04/06; Thanh Hà 01/01; Chí Linh 02/02; Thanh Miện 02/02.

²⁵ Phòng 1- 01/03; Phòng 7 – 01/05; TPHD 01/01; Thanh Hà 01/03

²⁶ Phòng 1- 02/02.

²⁷ Phòng 1- 02 bị cáo; TPHD 01; Phòng 7- 05.

| STT | Chỉ tiêu | Đã thực hiện | Còn phải thực hiện 06 tháng đầu năm 2025 (tính đến 31/3/2025) | Còn phải thực hiện 06 tháng cuối năm 2025 (tính đến 30/9/2025) |
|-----------|--|---|---|--|
| | | bị cáo (chấp nhận 100%); ngang cấp cấp huyện 01 kháng nghị/ 03 bị cáo (VKSND tỉnh rút kháng nghị) | | |
| 3 | Chỉ tiêu Kiến nghị (VKS cấp huyện ít nhất 01 kiến nghị tổng hợp, Phòng 7 ít nhất 02 kiến nghị tổng hợp) | 03 kiến nghị tổng hợp ²⁸ | 10 kiến nghị Bình Giang - 01; Cẩm Giàng - 01; Chí Linh - 01; Ninh Giang - 01; Kim Thành - 01; Kinh Môn - 01; Thanh Hà - 01; Thanh Miện - 01; Tứ Kỳ - 01; TPHD - 01 | Phòng 7 - 01 |
| 4 | Số hoá hồ sơ | 147 vụ ²⁹ | | |
| IV | Kiểm sát tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự | | | |
| 1 | Tỷ lệ phát hiện và yêu cầu, xử lý các trường hợp quá hạn tạm giam, tạm giam, giam không có căn cứ, trái pháp luật (Phòng 1, 2, VKSND cấp huyện đạt 100%) | Ra lệnh bắt bị can để tạm giam 01 bị can ³⁰ | 100% bị can bị tạm giam, giam không có căn cứ, trái pháp luật | 100% bị can bị tạm giam, giam không có căn cứ, trái pháp luật |
| 2 | Chỉ tiêu kháng nghị, kiến nghị (Phòng 8 và VKS cấp huyện mỗi đơn vị ít nhất 01 kiến | 01 kiến nghị tổng hợp ³¹ | 12 kiến nghị tổng hợp hoặc kháng nghị Bình Giang 01; Cẩm Giàng 01; | Các đơn vị tiếp tục thực hiện theo Kế hoạch |

²⁸ Phòng 7 - 01; Gia Lộc 01; Nam Sách 01.

²⁹ Phòng 1- 08; Phòng 2- 11; Kinh Môn 14; Cẩm Giàng 17; Nam Sách 08; Kim Thành 08; Thanh Hà 06; Ninh Giang 12; Thanh Miện 10; TPHD 21; Bình Giang 06; Chí Linh 09; Tứ Kỳ 08; Gia Lộc 09.

³⁰ Tháng 12/2024: Phòng 2- 01 lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Nguyễn Việt An về tội Giết người.

³¹ Phòng 8 - 01.

| STT | Chỉ tiêu | Đã thực hiện | Còn phải thực hiện 06 tháng đầu năm 2025 (tính đến 31/3/2025) | Còn phải thực hiện 06 tháng cuối năm 2025 (tính đến 30/9/2025) |
|-----|---|---|--|--|
| | <i>ng nghị tổng hợp hoặc 01 kháng nghị)</i> | | Chí Linh 01; Gia Lộc 01; Nam Sách 01; Ninh Giang 01; Kim Thành 01; Kinh Môn 01; Thanh Hà 01; Thanh Miện 01; Tứ Kỳ 01; TPHD 01) | |
| 3 | Yêu cầu bắt thi hành án hình sự số người bị kết án phạt tù đang tại ngoại không tự nguyện thi hành án và đã có đủ điều kiện bắt để bảo đảm thi hành đúng thời hạn (Phòng 8, VKS cấp huyện đạt 100%) | 02 yêu cầu áp giải THA ³² | 100% bị án đang tại ngoại, không tự nguyện thi hành | 100s% bị án đang tại ngoại, không tự nguyện thi hành |
| 4 | Trực tiếp kiểm sát thường kỳ tại nhà tạm giữ (VKS cấp huyện ít nhất 01 lần/Quý) | Quý II: 01 cuộc , ban hành 01 kết luận kiến nghị ³³ | 11 cuộc/11 đơn vị cấp huyện (Bình Giang, Cẩm Giàng, Chí Linh, Gia Lộc, Nam Sách, Ninh Giang, Kinh Môn, Thanh Hà, Thanh Miện, Tứ Kỳ, THPTD – mỗi đơn vị 01 cuộc trực tiếp kiểm sát Nhà tạm giữ Quý II) | Quý III/ Quý IV: 12 đơn vị cấp huyện thực hiện 12 cuộc/ Quý |
| 5 | Trực tiếp kiểm sát thường kỳ tại Trại tạm giam CA tỉnh, Trại giam Hoàng Tiến (Phòng 8 kiểm sát trại tạm giam công an tỉnh ít nhất 01 | Quý II: 01 cuộc đối với Trại tạm giam CA tỉnh, ban hành 01 kết luận kiến nghị ³⁴ ; | 01 cuộc KSTT đối với trại giam Hoàng Tiến | 02 cuộc trực tiếp kiểm sát Trại tạm giam CA tỉnh (Quý III VÀ Quý IV/2025) 01 cuộc đối với Trại giam Hoàng |

³² Chí Linh 02.

³³ Kim Thành 01 đối với cuộc TTKS Nhà tạm giữ Công an huyện Kim Thành.

³⁴ Phòng 8 - 01.

| STT | Chỉ tiêu | Đã thực hiện | Còn phải thực hiện 06 tháng đầu năm 2025 (tính đến 31/3/2025) | Còn phải thực hiện 06 tháng cuối năm 2025 (tính đến 30/9/2025) |
|----------|--|--|---|--|
| | <i>lần/01 Quý; trại giam Hoàng Tiến ít nhất 02 lần/năm)</i> | | | Tiến |
| 6 | Trực tiếp kiểm sát cơ quan THAHS cùng cấp (<i>Phòng 8, VKS cấp huyện 01 cuộc/năm</i>) | Chưa đơn vị nào thực hiện | Các đơn vị tiếp tục thực hiện theo Kế hoạch | |
| 7 | Chỉ tiêu kiểm sát án treo và cải tạo không giam giữ (<i>VKS cấp huyện kiểm sát ít nhất 30% đơn vị cấp xã có án treo, cải tạo không giam giữ</i>) | 14 cuộc/198 xã có án treo, CTKGG ³⁵ (đạt 07,04%), trong đó ban hành 04 kết luận ³⁶ , 10 kết luận kiến nghị ³⁷ | Các đơn vị tiếp tục thực hiện theo Kế hoạch | |
| 8 | Kiểm tra việc thực hiện kiến nghị năm 2025 (<i>Xong trong quý I</i>) | 27 cuộc ³⁸ | Còn 02 đơn vị: Kinh Môn, Tứ Kỳ | |
| V | Kiểm sát thi hành án dân sự, thi hành án hành chính | | | |

³⁵ Tổng 14 cuộc gồm: Nam Sách 01/15 (6,67%); Thanh Hà 02/16 (12,5%); Kim Thành 01/14 (6,67%); Chí Linh 06/19 (31,58%); Bình Giang 02/15 (13,33%); Gia Lộc 02/14 (14,29%).

³⁶ Nam Sách 01; Bình Giang 01; Chí Linh 02.

³⁷ Kim Thành 01; Thanh Hà 02; Chí Linh 04; Bình Giang 01; Gia Lộc 02.

³⁸ **Phòng 8 -04** cuộc (phối hợp với Cẩm Giàng, Gia Lộc, Chí Linh, Kim Thành) đối với nhà tạm giữ; **Thanh Hà 02** (đối với nhà tạm giữ 01 cuộc; đối với CQ THAHS 01 cuộc); **Thanh Miện 03** cuộc (đối với nhà tạm giữ 01 cuộc, đối với CQ THAHS 01 cuộc, 01 cuộc đối với TAND huyện); **Kim Thành 05** cuộc (đối với nhà tạm giữ 01 cuộc, đối với CQTHAHS 01 cuộc, đối với UBND xã 03 cuộc); **Cẩm Giàng 09** (01 cuộc đối với Nhà tạm giữ; đối với CQ THAHS CA huyện 01 cuộc, với UBND xã 07 cuộc); **Gia Lộc 06** cuộc (đối với CQ THAHS 01 cuộc, với UBND xã 05 cuộc); **Nam Sách 01** cuộc đối với TAND huyện; **Chí Linh 01** cuộc đối với CQ THAHS; **Ninh Giang 04** (01 cuộc đối với Nhà tạm giữ CA huyện; 01 cuộc đối với CQ THAHS, 01 cuộc đối với UBND xã); **Bình Giang 10** (01 cuộc đối với Nhà tạm giữ CA huyện; 01 cuộc đối với CQTHAHS, 08 cuộc đối với UBND xã); **TPHD 06** cuộc (đối với UBND xã) .

| STT | Chỉ tiêu | Đã thực hiện | Còn phải thực hiện 06 tháng đầu năm 2025 (tính đến 31/3/2025) | Còn phải thực hiện 06 tháng cuối năm 2025 (tính đến 30/9/2025) |
|-----------|---|--|---|--|
| 1 | Chỉ tiêu kháng nghị, kiến nghị (<i>Phòng 8 ít nhất 01 kiến nghị tổng hợp hoặc 01 kháng nghị; VKS cấp huyện ít nhất 01 kiến nghị hoặc 01 kháng nghị</i>) | 04 kiến nghị tổng hợp ³⁹ , 03 kiến nghị vụ việc ⁴⁰ . | 08 kiến nghị hoặc kháng nghị (Phòng 8-01; Cẩm Giàng - 01; Nam Sách - 01; Ninh Giang - 01; Kim Thành - 01; Kinh Môn - 01; Thanh Miện - 01; Tứ Kỳ - 01) | Các đơn vị tiếp tục thực hiện theo Kế hoạch |
| 2 | Chỉ tiêu trực tiếp kiểm sát Cơ quan THADS cùng cấp (<i>Phòng 8 và VKS cấp huyện ít nhất 01 cuộc/năm</i>) | Chưa đơn vị nào thực hiện | Các đơn vị tiếp tục thực hiện theo Kế hoạch | |
| 3 | Kiểm tra việc thực hiện kiến nghị năm 2025 (<i>Xong trong quý I</i>) | 16 cuộc ⁴¹ | 03 cuộc (Kinh Môn – 01; Thanh Hà – 01; TPHD – 01) | |
| VI | Kiểm sát việc giải quyết các vụ, việc dân sự, HNGĐ; án HC, KDTM | | | |
| 1 | Kiến nghị phòng ngừa (<i>Phòng 9, 10 và VKS cấp huyện ít nhất 01 kiến nghị/01 lĩnh vực/năm</i>) | DS-HNGĐ 05 kiến nghị ⁴² ; HC - KDTM-LĐ 15 kiến nghị ⁴³ | DS-HNGĐ: 09 kiến nghị (Phòng 9- 01; Bình Giang - 01; Gia Lộc - 01; Nam Sách - 01; Ninh Giang - 01; Kinh Môn - 01; Thanh Hà - 01; | Các đơn vị tiếp tục thực hiện theo Kế hoạch |

³⁹ Chí Linh 02; Gia Lộc 01; Bình Giang 01.

⁴⁰ Thanh Hà 02; TPHD 01.

⁴¹ Phòng 8- 01 cuộc đối với Chi cục THADS; Chí Linh 02; Gia Lộc 01; Tứ Kỳ 01; Ninh Giang 01; Cẩm Giàng 01; Kim Thành 01 cuộc đối với Chi cục THADS huyện; **Bình Giang 04** (01 cuộc đối với Chi cục THADS, 01 cuộc đối với TAND huyện, 01 cuộc đối với Phòng tài chính kế hoạch); **Thanh Miện 02** (01 cuộc đối với Chi cục THADS, 01 cuộc đối với TAND huyện); **Nam Sách 02** (01 cuộc đối với Chi cục THADS, 01 cuộc đối với TAND huyện)

⁴² Kim Thành 02; Chí Linh 01; Thanh Miện 01; Cẩm Giàng 01.

⁴³ Phòng 10- 01; Cẩm Giàng 03; Gia Lộc 02; Kinh Môn 07; Kim Thành 02.

| STT | Chỉ tiêu | Đã thực hiện | Còn phải thực hiện 06 tháng đầu năm 2025 (tính đến 31/3/2025) | Còn phải thực hiện 06 tháng cuối năm 2025 (tính đến 30/9/2025) |
|-----|---|---|---|--|
| | | | Tứ Kỳ - 01; TPHD - 01) HC-KDTM:08 kiến nghị Bình Giang - 01; Chí Linh - 01; Nam Sách - 01; Ninh Giang - 01; Thanh Hà - 01; Thanh Miện - 01; Tứ Kỳ - 01; TPHD - 01) | |
| 2 | Kháng nghị (Phòng 9, 10 và VKS cấp huyện: Kháng nghị được cấp phúc thẩm bảo vệ đạt $\geq 90\%$; kháng nghị được HĐXX chấp nhận $\geq 70\%$) | 11 kháng nghị (cũ: 10, mới 01 ⁴⁴). Đã giải quyết 03 vụ (chấp nhận 01 vụ - đạt 33,3%, không chấp nhận 02 vụ). | Còn chưa xét xử 08 vụ ⁴⁵ | |
| 3 | Ban hành kiến nghị yêu cầu Tòa án khắc phục những vi phạm pháp luật (Phòng 9, 10 và VKSND cấp huyện đạt 100%) | 10 kiến nghị tổng hợp, 05 kiến nghị vụ việc: + DS-HNGĐ: 03 kiến nghị tổng hợp ⁴⁶ , 02 kiến nghị vụ việc ⁴⁷ . + HC - KDTM - LĐ: 07 kiến nghị tổng hợp ⁴⁸ , 03 kiến nghị vụ việc ⁴⁹ . | Ban hành 100% kiến nghị khi phát hiện vi phạm | Ban hành 100% kiến nghị khi phát hiện vi phạm |
| 4 | Ban hành yêu cầu | 15 yêu cầu, trong | Ban hành 100% yêu cầu khi | Ban hành 100% |

⁴⁴ Nam Sách 01 kháng nghị đối với TAND huyện.

⁴⁵ Phòng 9- 02; Chí Linh 01; TPHD 02; Kim Thành 01; Nam Sách 02.

⁴⁶ Gia Lộc 01; Cẩm Giàng 01; Nam Sách 01.

⁴⁷ Gia Lộc 01; Cẩm Giàng 01.

⁴⁸ Phòng 10- 01; Gia Lộc 01; Thanh Miện 01; TPHD 02; Kinh Môn 01; Chí Linh 01.

⁴⁹ Chí Linh 03.

| STT | Chỉ tiêu | Đã thực hiện | Còn phải thực hiện 06 tháng đầu năm 2025 (tính đến 31/3/2025) | Còn phải thực hiện 06 tháng cuối năm 2025 (tính đến 30/9/2025) |
|-----|---|--|---|---|
| | Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ đối với những vụ, việc thu thập chứng cứ chưa đầy đủ (Phòng 9, 10 và VKSND cấp huyện đạt 100%) | đó: + DS-HNGĐ: 08 yêu cầu ⁵⁰ . + HC - KDTM - LD: 07 yêu cầu ⁵¹ . | vụ án TA chưa thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ | yêu cầu khi vụ án TA chưa thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ |
| 5 | Chỉ tiêu phiên toà rút kinh nghiệm (Mỗi KSV Phòng 9 và cấp huyện được phân công ở lĩnh vực DS-HNGĐ ít nhất 01 phiên/năm; KSV Phòng 10 ít nhất 01 phiên/năm) | DS – HNGĐ: 04 vụ/04 lượt KSV ⁵² ; HC-KDTM-LĐ: 02 phiên/02 KSV ⁵³ . | DS- HNGĐ còn phải thực hiện 14 phiên (Phòng 9- 01 Bình Giang – 02 Cẩm Giàng -01 Chí Linh – 01 Gia Lộc – 01 Nam Sách – 01 Ninh Giang – 01 Kim Thành – 01 Kinh Môn – 01 Thanh Hà – 02 Thanh Miện – 01 TPHD – 01) HC-KDTM: Phòng 10 - 01 | DS- HNGĐ: còn phải thực hiện 16 phiên Phòng 9 – 01 Nam Sách – 03 Cẩm Giàng -01 Ninh Giang – 01 Thanh Hà – 03 Kinh Môn – 03 Chí Linh - 01 TPHD – 01 Bình Giang – 02 HC-KDTM: Phòng 10 - 01 |
| 6 | Phiên toà công bố tài liệu, chứng cứ bằng hình ảnh (Phòng 9, 10 và mỗi đơn vị VKS cấp huyện ít nhất 02 phiên/năm) | HC-KDTM-LĐ: 01 vụ ⁵⁴ . | 13 phiên (Phòng 9 – 01 Bình Giang 01; Cẩm Giàng 01; Chí Linh 01; Gia Lộc 01; | 14 phiên (Phòng 9 – 01 Phòng 10- 01 Bình Giang 01; Cẩm Giàng 01; Chí Linh 01; Gia Lộc 01; |

⁵⁰ Yêu cầu xác minh thu thập chứng cứ (08): Phòng 9 -01; Chí Linh 02; Gia Lộc 01; Nam Sách 02; Thanh Miện 01; Bình Giang 01.

⁵¹ Yêu cầu xác minh thu thập chứng cứ (07): Phòng 10- 01; Bình Giang 04; Gia Lộc 02.

⁵² Phiên tòa tự rút kinh nghiệm 04 phiên: Phòng 9- 01; Kinh Môn 01; Tứ Kỳ 01; Nam Sách 01.

⁵³ Phiên tòa tự rút kinh nghiệm 02 (Phòng 10- 01/01; Tứ Kỳ 01;).

⁵⁴ Phòng 10- 01.

| STT | Chỉ tiêu | Đã thực hiện | Còn phải thực hiện 06 tháng đầu năm 2025 (tính đến 31/3/2025) | Còn phải thực hiện 06 tháng cuối năm 2025 (tính đến 30/9/2025) |
|------------|--|---|--|--|
| | | | Nam Sách 01; Ninh Giang 01; Kim Thành 01; Kinh Môn 01; Thanh Hà 01; Thanh Miện 01; Tứ Kỳ 01; TPHD 01) | Nam Sách 01; Ninh Giang 01; Kim Thành 01; Kinh Môn 01; Thanh Hà 01; Thanh Miện 01; Tứ Kỳ 01; TPHD 01) |
| VII | Giải quyết và kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong HĐTP | | | |
| 1 | Chỉ tiêu giải quyết đơn thuộc thẩm quyền (<i>ít nhất 80%</i>) | Chưa có đơn thuộc thẩm quyền giải quyết | Giải quyết $\geq 80\%$ đơn thuộc thẩm quyền | |
| 2 | Chỉ tiêu Trực tiếp kiểm sát hoặc áp dụng biện pháp kiểm sát (<i>Thanh tra- Khiếu tố và VKS cấp huyện ít nhất 01</i>) | 09 yêu cầu ⁵⁵ | Còn phải thực hiện 06 (Bình Giang - 01; Cẩm Giàng - 01; Chí Linh - 01; Nam Sách - 01; Kinh Môn - 01; TPHD - 01) | Các đơn vị tiếp tục thực hiện theo Kế hoạch |

2. Kết quả công tác các đơn vị đạt được ngoài Hệ thống chỉ tiêu 139 và Kế hoạch phải thực hiện

| STT | Nội dung | Kết quả đạt được |
|-----|---|-----------------------|
| 1 | Kiến nghị vụ việc, phòng ngừa trong giai đoạn tin báo | |
| 2 | Báo cáo án bằng sơ đồ tư duy trong giai đoạn tin báo | 47 vụ ⁵⁶ . |

⁵⁵ **Thanh tra – Khiếu tố 02** yêu cầu (01 Yêu cầu cấp hồ sơ và 01 Yêu cầu tự kiểm tra đối với TAND tỉnh Hải Dương); **Gia Lộc 01** yêu cầu cung cấp hồ sơ tài liệu đối với Chi cục THADS huyện về giải quyết đơn khiếu nại; **Kim Thành 01** yêu cầu tự kiểm tra việc thụ lý, giải quyết đơn khiếu nại đối với Chi cục THADS huyện; **Thanh Hà 02**; **Ninh Giang 01**; **Tứ Kỳ 01** yêu cầu ra văn bản giải quyết đơn khiếu nại đối với TAND huyện; **Thanh Miện 01** yêu cầu giải quyết đơn khiếu nại đối với Chi cục THADS.

⁵⁶ THPT 43; Chí Linh 04.

| STT | Nội dung | Kết quả đạt được |
|--|---------------------------------|--|
| I. Thực hành quyền công tố trong việc quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn | | |
| 1. | Ra lệnh bắt bị can để tạm giam | Ra lệnh bắt bị can để tạm giam 01 bị can ⁵⁷ . |
| II Thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra vụ án hình sự; kiểm sát hoạt động tư pháp trong giai đoạn truy tố | | |
| II.A Thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra vụ án hình sự | | |
| 1 | Kiến nghị | 02 kiến nghị vụ việc ⁵⁸ |
| 2 | Ban hành yêu cầu khác | 01 yêu cầu trợ tư pháp ⁵⁹ ; 04 yêu cầu truy nã bị can ⁶⁰ ; 01 yêu cầu phục hồi điều tra ⁶¹ , 01 yêu cầu kê biên tài sản ⁶² |
| 3 | Báo cáo vụ án bằng sơ đồ tư duy | 83 vụ ⁶³ . |
| II.B Kiểm sát giai đoạn truy tố | | |
| 1 | Báo cáo vụ án bằng sơ đồ tư duy | 36 vụ ⁶⁴ . |
| 2 | Kiến nghị phòng ngừa | 02 kiến nghị ⁶⁵ . |
| 3 | Truy tố án trọng điểm | 15 vụ/20 bị can ⁶⁶ . |
| 4 | Truy tố án rút gọn | 12 vụ/ 12 bị can ⁶⁷ . |
| III Thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử án hình sự | | |
| 1 | Kiến nghị | 02 kiến nghị vụ việc ⁶⁸ ; 01 kiến nghị phòng ngừa ⁶⁹ . |

⁵⁷ **Tháng 12/2024:** Phòng 2- 01 lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Nguyễn Việt An về tội Giết người lý do: có căn cứ để tạm giam bị can.

⁵⁸ Kim Thành 02.

⁵⁹ Cẩm Giàng 01.

⁶⁰ Bình Giang 03; Gia Lộc 01.

⁶¹ Kim Thành 01.

⁶² Phòng 1- 01.

⁶³ TPHD 42; Cẩm Giàng 06; Kim Thành 04; Chí Linh 06; Kinh Môn 25.

⁶⁴ TPHD 21; Cẩm Giàng 06; Chí Linh 04; Kinh Môn 05.

⁶⁵ **Kim Thành 01** kiến nghị phòng ngừa đối với Trưởng công an thị trấn Phú Thái trong công tác đảm bảo an ninh trật tự ga Phú Thái; **Gia Lộc 01** kiến nghị phòng ngừa đối với Chủ tịch UBND thị trấn Gia Lộc về phòng ngừa hành vi Chống người thi hành công vụ.

⁶⁶ Cẩm Giàng 01/03; Thanh Hà 04/05; Thanh Miện 03/03; Bình Giang 01/01; Nam Sách 02/02; Gia Lộc 04/06.

⁶⁷ Thanh Miện 02/02; Bình Giang 01/01; TPHD 05/05; Nam Sách 02/02; Gia Lộc 02/02.

⁶⁸ **Nam Sách 01; Kim Thành 01.**

⁶⁹ **Kim Thành 01** kiến nghị phòng ngừa đối với Trưởng CA huyện trong việc kiểm tra cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú trên địa bàn huyện.

| STT | Nội dung | Kết quả đạt được |
|------------|--|--------------------------------------|
| 2 | Phối hợp với TA tổ chức phiên tòa xét xử trực tuyến | 23 vụ/36 bị cáo ⁷⁰ . |
| 3 | Phối hợp với TA tổ chức phiên tòa lưu động | 14 vụ/16 bị cáo ⁷¹ . |
| 4 | Báo cáo vụ án bằng sơ đồ tư duy | 69 vụ ⁷² . |
| 5 | Xét xử án trọng điểm | 09 vụ/12 bị cáo ⁷³ . |
| 6 | Xét xử án rút gọn | 11 vụ/ 11 bị cáo ⁷⁴ . |
| 7 | Xét xử lưu động | 14 vụ/16 bị cáo ⁷⁵ . |
| IV | Kiểm sát tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự | |
| 1 | Kiến nghị (vụ việc, phòng ngừa) | |
| 2 | Yêu cầu | 01 yêu cầu tự kiểm tra ⁷⁶ |
| 3 | Trực tiếp kiểm sát đột xuất | |
| V | Kiểm sát thi hành án dân sự, thi hành án hành chính | |
| 1 | Yêu cầu | 05 yêu cầu ⁷⁷ |
| VI | Kiểm sát việc giải quyết các vụ, việc dân sự, HNGĐ; án HC, KDTM | |
| 1 | Báo cáo kháng nghị giám đốc thẩm | |
| 2 | Yêu cầu khác | DS-HNGĐ: 01 yêu cầu ⁷⁸ . |

⁷⁰ Phòng 7 -01/01; Cẩm Giàng 01/02; Gia Lộc 03/03; Kim Thành 03/03; Thanh Hà 04/04; Bình Giang 06/15; TPHD 03/04; Ninh Giang 01/01; Kinh Môn 01/03.

⁷¹ Nam Sách 08/09; Thanh Hà 01/01; TPHD 02/03; Thanh Miện 02/02; Gia Lộc 01/01.

⁷² TPHD 29; Kinh Môn 14; Cẩm Giàng 06; Nam Sách 08; Kim Thành 09; Chí Linh 03.

⁷³ Phòng 1- 01/02; Bình Giang 01/01; Cẩm Giàng 01/03; Nam Sách 02/02; Chí Linh 01/01; Gia Lộc 01/01; Tứ Kỳ 02/02; .

⁷⁴ TPHD 05/05; Thanh Miện 02/02; Bình Giang 01/01; Nam Sách 02/02; Gia Lộc 01/01.

⁷⁵ Nam Sách 08/09; Thanh Hà 01/01; TPHD 02/03; Thanh Miện 02/02; Gia Lộc 01/01.

⁷⁶ Phòng 8- 01.

⁷⁷ Yêu cầu lập hồ sơ miễn giảm nghĩa vụ **THA 01** (Thanh Hà 01); Yêu cầu phong tỏa tài khoản người phải **THA 01** (Chí Linh 01); Yêu cầu cung cấp hồ sơ **03** (Ninh Giang 03).

⁷⁸ Yêu cầu sao chụp tài liệu (01): Nam Sách 01.

| STT | Nội dung | Kết quả đạt được |
|------------|--|------------------------------|
| 3 | Số hoá hồ sơ | 261 vụ ⁷⁹ . |
| 4 | Báo cáo vụ án bằng sơ đồ tư duy | 28 vụ ⁸⁰ . |
| VII | Giải quyết và kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong HĐTP | |
| 1 | Kiến nghị | 04 kiến nghị ⁸¹ . |

Nơi nhận:

- Đơn vị VKS hai cấp;
- Các đ/c Lãnh đạo VKSND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT, VP.

**TL.VIỆN TRƯỞNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG
PHỤ TRÁCH VĂN PHÒNG TỔNG HỢP**

Nguyễn Đức Lăng

⁷⁹ Phòng 9 – 56; Phòng 10- 17; Chí Linh 102; Thanh Miện 27; Cẩm Giàng 03; Gia Lộc 08; Nam Sách 17; Ninh Giang 03; Bình Giang 15; Tứ Kỳ 13.

⁸⁰ Gia Lộc 02; Nam Sách 05; Ninh Giang 01; Bình Giang 15; Thanh Miện 05.

⁸¹ **Gia Lộc 01** kiến nghị đối với Chi cục THADS huyện; **Thanh tra – Khiếu tố 01** kiến nghị; **Ninh Giang 01** kiến nghị đối với TAND huyện về giải quyết đơn khiếu nại; **Thanh Miện 01** kiến nghị đối với Chi cục THADS huyện về giải quyết đơn khiếu nại